BÀI: GRAMMAR – LESSON 2

UNIT 3: FRIENDS

MÔN: TIẾNG ANH – ILEARN SMART WORLD - LỚP 6

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Grammar

a. Listen and repeat.

(Nghe và lặp lại.)

Boy 1: What are you doing tomorrow?

(Ngày mai bạn định làm gì?)

Boy 2: I'm playing badminton with my sister.

(Mình định chơi cầu lông với chị gái.)

b. Fill in the blanks using the Present Continuous.

(Điền vào chỗ trống sử dụng thì hiện tại tiếp diễn.)

1. My brother *is going* (go) shopping on Friday.
2. What_____ you_____ (do) tomorrow?
3. I_____ (make) a pizza tomorrow.
4. _____they_____(have) a picnic in the park this weekend?
5. She_____(go) to the mall with Mark on Saturday.
6. We_____(play) basketball this evening.
7. _____he_____(watch) a movie at home tonight?

Cách giải:

1. My brother *is going* (go) shopping on Friday.

(Anh trai tôi sẽ đi mua sắm vào thứ Sáu.)

2. What **are** you **doing** tomorrow?

(Bạn định làm gì vào ngày mai?)

3. I **am making** a pizza tomorrow.

(Tôi sẽ làm một chiếc bánh pizza vào ngày mai.)

4. **Are** they **having** a picnic in the park this weekend?

(Họ có một buổi dã ngoại trong công viên vào cuối tuần này à?)

5. She **is going** to the mall with Mark on Saturday.

(Cô ấy sẽ đi đến trung tâm mua sắm với Mark vào thứ bảy.)

6. We **are playing** basketball this evening.

(Chúng tôi sẽ chơi bóng rổ vào tối nay.)

7. **Is** he **watching** a movie at home tonight?

(*Anh ấy có đang xem phim ở nhà tối nay không?)*

c. Write full sentences using the given words and the Present Continuous.

(Viết câu sử dụng từ được cho và thì hiện tại tiếp diễn.)

1. He/ not/ have a picnic/ this Saturday.

=> He isn't having a picnic this Saturday.

(Thứ Bảy tuần này anh ấy sẽ không đi dã ngoại.)

2. I / have a barbecue/ today.

3. Emma and Jane/ not/ watch a movie/ on Sunday.

4. We/ make a pizza/ this weekend.

5. David/ play badminton/ this evening?

6. Maria/ watch TV/ with her sister/tonight?

Cách giải:

2. I am having a barbecue today.

(Tôi định có một bữa tiệc nướng hôm nay.)

3. Emma and Jane aren't watching a movie on Sunday.

(Emma và Jane không định xem phim vào Chủ nhật.)

4. We are making a pizza this weekend.

(Chúng tôi định làm một chiếc bánh pizza vào cuối tuần này.)

5. Is David playing badminton this evening?

(David có chơi cầu lông tối nay không?)

6. Is Maria watching TV with her sister tonight?

(Có phải tối nay Maria đang xem TV với em gái của cô ấy không?)

d. Now, write true sentences about yourself and then ask your partner.

(Giờ thì, viết những câu đúng về chính em và sau đó hỏi bạn của em.)

What are you doing?

1. I _____tonight.

2. I_____this weekend.

Cách giải:

1. I am doing my homework tonight.

(Tối nay tôi định làm bài tập về nhà.)

2. I am going out and playing outdoors games with my friends this weekend.

(Tôi định đi chơi và chơi các trò ngoài trời với bạn của tôi vào cuối tuần này.)

Loigiaihay.com